

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-8-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Thanh
- Ông Dương Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc: Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai). Đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Kim Hoàng P, sinh 1990. Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp K, xã L, tỉnh Vĩnh Long). Đề nghị xét xử vắng mặt

- Con chung: Cháu Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 nguyên đơn trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, chị và anh Kim Hoàng P tự quen biết và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2014. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do có lối sống khác biệt, thường xảy ra cự cãi không hoà giải hàn gắn được và đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung, chị và anh Kim Hoàng P có con chung tên Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014, hiện nay con đang sinh sống chung anh P. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên chị không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C cho rằng:

Chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do sau khi kết hôn anh P chuyển đến sinh sống với gia đình chị tại tỉnh Đồng Nai và nhiều lần chị đã trả nợ đánh bạc thay cho anh P mà anh không sửa đổi, cách nay khoảng 02 – 03 năm khi chị không còn tiền để trả nợ đánh bạc thay cho anh thì có xảy ra cự cãi lớn tiếng. Từ đó anh ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp K, xã L đến nay không chịu trở về đoàn tụ, hai bên cũng cố gắng hoà để vợ chồng hàn gắn nhưng không được.

Đối với con chung Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014 lúc nộp đơn khởi kiện chị yêu cầu nuôi con, nhưng do hiện nay con đang sinh sống chung anh P và anh P cũng yêu cầu nuôi con, nguyện vọng của con cũng yêu cầu được tiếp tục sinh sống cùng anh P nên chị thay đổi không yêu cầu nuôi con mà đồng ý giao con cho anh P nuôi sau khi ly hôn, anh P không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên chị cũng đồng ý nhất.

Tài sản chung, nợ chung, chị vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 16/5/2025 bị đơn anh Kim Hoàng P trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, anh thừa nhận tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim C vào năm 2014. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do chị C không chung thủy nên đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay nên anh đồng ý ly hôn theo chị C yêu cầu.

Về con chung, anh thừa nhận có con chung tên Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014, con đang sinh sống chung với anh và do anh chăm sóc nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh xác nhận là không có như lời khai chị C nên anh cũng không yêu cầu gì khác.

Tại bản ghi ý kiến của cháu Kim Hoàng Q (đủ 07 tuổi trở lên) trình bày nguyện vọng, tự nguyện yêu cầu được ở với cha là anh Kim Hoàng P khi cha mẹ ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trễ hạn 04 tháng.

Đối với đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Chị C và anh P tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định thì đây là hôn nhân hợp pháp. Họ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh mâu thuẫn thì chị C với anh P đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh P đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy giữa họ không còn khả năng đoàn tụ. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Con chung tên Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014 có nguyện vọng được sống chung anh P, chị C cũng đồng ý nên có cơ sở giao cháu Q cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng do anh P không yêu cầu nên không xem xét; Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C ly hôn với anh Kim Hoàng P.

Về con chung: Giao con chung tên Kim Hoàng Q, sinh ngày 11/10/2014 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Kiến nghị khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thị Kim C khởi kiện anh Kim Hoàng P có nơi cư trú tại ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp K, xã L, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Nhận thấy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, chị Nguyễn Thị Kim C và anh Kim Hoàng P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 46 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05/5/2014 (bút lục 05) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Chị Nguyễn Thị Kim C cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, mà anh Kim Hoàng P vắng mặt, Tòa án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục chị C hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, chị C kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn và thay đổi không yêu cầu nuôi con chung. Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục 20 và 21) anh P tự nguyện đồng ý ly hôn, đưa ra yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho chị C và anh P ly hôn.

[5] Đối với cháu Kim Hoàng Q. Qua giấy khai sinh (bút lục 04) thể hiện cháu đã đủ từ 07 tuổi trở lên và có ý kiến trình bày nguyện vọng tự nguyện yêu cầu ở với anh P (bút lục 22). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có giải thích cho đương sự quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng đương sự xác định không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của cháu Kim Hoàng Q và xác minh tại địa phương (bút lục 26, 27) thời điểm xét xử vụ án, cháu Q do anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện đáp ứng các nhu cầu thiết yếu như: vui chơi, học tập, ... v ... v ... chị C không phản đối nên có cơ sở giao cháu Kim Hoàng Q cho anh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Sau ly hôn nếu anh Kim Hoàng P cho rằng không đảm bảo điều kiện tiếp tục nuôi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, đương sự cùng khai xác nhận không có, đồng thời không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên cho rằng, vụ án có vi phạm về về thời hạn xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C ly hôn với anh Kim Hoàng P

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao con chung cháu Kim Hoàng Q sinh ngày 11/10/2014 cho anh Kim Hoàng P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của cháu Kim Hoàng Q có yêu cầu được ở với anh P.

Về cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014388 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Anh Kim Hoàng P không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga